

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2022/DS-ST**
Ngày 26 - 05 - 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Thanh

Ông Vũ Văn Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2022/DS - ST ngày 18/01/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960, nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984, nơi cư trú: Xóm T (Xóm 9 cũ), xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt bà Nguyễn Thị L, vắng mặt bà Nguyễn Thị P dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà có cho bà Nguyễn Thị P vay số tiền là 40 triệu đồng. Mục đích vay tiền theo như bà P nói là cho con đi viện và bà P có hứa chỉ mượn vài ngày, khi nào chồng đi làm xa gửi tiền về thì sẽ trả. Tuy nhiên, nhiều lần bà xuống đòi nhưng bà P không trả. Ngày 01/05/2018, bà P đã trả một

phần nợ, còn nợ lại 19.500.000đ và bà P có ký giấy biên nhận nợ 19.500.000 đồng. Bà P có hứa trong thời gian 01 tháng sẽ trả nhưng bà đến đòi nhiều lần bà P cố tình không trả. Nay bà làm đơn đề nghị TAND huyện Trục Ninh buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà số tiền gốc là 19.500.000đ và lãi suất là 10%/năm kể từ tháng 5 năm 2018 đến khi trả xong nợ gốc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2022 bị đơn là bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập của Tòa án về việc bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đòi nợ đối với bà. Nhưng vì lý do công việc nên bà không đến Tòa án trình bày quan điểm.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L với lý do: Bà không vay bà L 40 triệu như bà L đã khởi kiện. Bà chỉ đứng ra vay hộ 20 triệu đồng từ bà L cho chị dâu là bà Nguyễn Thị Q. Lý do của việc bà đứng ra vay tiền là bà Q đã vay bà L nhiều lần nên bà L không cho vay nữa. Vì đang cần tiền nên bà Q có nhờ bà lên nhà bà L vay tiền. Quá trình trả nợ, cả bà và bà Q đã trả cho bà L một khoản tiền lãi, mỗi tháng trả cho bà L là 1.900.000đ và đã trả trong thời gian dài. Số tiền lãi đã trả cho bà L nhiều hơn số tiền gốc mà bà đứng ra đã vay bà L rất nhiều. Việc trả lãi không có giấy tờ biên nhận gì. Sau khi trả lãi được một thời gian thì bà Q vỡ nợ và bỏ đi từ tháng 11 năm 2017. Đến khoảng tháng 5 năm 2018, bà Q có gửi tiền về cho con trai bà Q mang trả cho bà L số tiền 20 triệu đồng tiền gốc. Sau đó bà L tính tiền lãi trong thời gian bà Q không trả tiền là 19.500.000đ. Vì bà là người đứng lên vay hộ cho bà Q nên bà L đã ép bà phải ký vào giấy biên nhận vay tiền ngày 01/05/2018 với số tiền là 19.500.000đ. Thực chất số tiền này là tiền lãi mà bà Q chưa trả cho bà L, lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Hiện tại bà Q đã bỏ đi khỏi địa phương vì vỡ nợ, bà không liên lạc được với bà Q. Bà đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bà để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định việc khởi kiện bà P không liên quan gì đến bà Nguyễn Thị Q và đề nghị TAND huyện Trục Ninh buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà số tiền gốc 19.500.000đ và tiền lãi là 10%/năm từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Bà L nhất trí thời gian tính lãi suất là 48 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS; bị đơn nhiều lần vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án vẫn tiếp tục mở phiên tòa dù bị đơn vắng vắng lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 357; 463; 466; 468 BLDS: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 19.500.000đ và tiền lãi tính từ tháng 5/2018 đến khi xét xử sơ thẩm, mức lãi suất là 10%/năm.

Về án phí: Bà Phạm Thị P phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984, nơi cư trú: Xóm T (xóm 9 cũ), xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng pháp luật.

Nguyên đơn, đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS; bị đơn nhiều lần vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

Việc Tòa án tiếp tục mở phiên tòa khi bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét “Giấy biên nhận ngày 01/5/2018”: Quá trình lấy lời khai của bà Nguyễn Thị P, bà P thừa nhận là bà có ký vào giấy biên nhận ngày 01/5/2018 vay số tiền là 19.500.000đ như bà L cung cấp cho Tòa án là căn cứ khởi kiện. Theo bà P khai: Số tiền 19.500.000đ là tiền lãi của khoản vay 20 triệu đồng mà bà đã vay hộ bà Nguyễn Thị Q và bà bị ép phải ký vào giấy biên nhận, số tiền lãi mà bà và bà Q đã trả cho bà L đã nhiều hơn số tiền gốc đã vay. Tuy nhiên bà P không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc mình bị ép buộc ký vào giấy biên nhận cũng như việc đã trả nợ cho bà L. Mặt khác, bà P trình bày hiện tại bà Q đã bỏ đi khỏi địa phương vì vỡ nợ, bà không liên lạc được với bà Q nên không có cơ sở để đối chất nội dung này.

HĐXX xét thấy: Tại thời điểm ký nhận việc vay nợ (hợp đồng), bà L, bà P có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Bà P thừa nhận việc mình đã ký vào “Giấy biên nhận ngày 01/5/2018” có nội dung bà P vay bà L số tiền 19.500.000đ. Nội dung biên nhận (hợp đồng) không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Do đó, “Giấy biên nhận ngày 01/5/2018” là hợp pháp, các bên tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng thực hiện.

[3] Xét yêu cầu về tiền gốc, lãi của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị P thì thấy: Tại “Giấy biên nhận ngày 01/5/2018”, không thể hiện thời gian trả nợ và không thoả thuận về lãi suất. Bà L xác định là thoả thuận miệng với bà P về thời gian trả nợ là 01 tháng kể từ ngày vay nhưng không có căn cứ chứng minh. Bà P trình bày bà L cho vay với lãi suất 3.000 đồng/01triệu/01 ngày nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Nay bà L yêu cầu bà P phải trả 19.500.000đ tiền gốc và tiền lãi là 10%/năm kể từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Vì vậy, HĐXX nhận định đây là hợp đồng cho vay tài sản không thời hạn và có tranh chấp với nhau về lãi suất.

Căn cứ vào điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, việc bà L yêu cầu lãi suất là 10%/năm là có căn cứ và việc bà L nhất trí thời gian tính lãi suất là 48 tháng là hoàn toàn tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận.

Như vậy: Bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L 19.500.000đ tiền gốc và tiền lãi cụ thể: $19.500.000đ \times 10\% / 1 \text{ năm} \times 4 \text{ năm} = 7.800.000đ$.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 19.500.000đ và tiền lãi là 7.800.000đ . Tổng số tiền bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị L là 27.300.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu, ba trăm nghìn đồng*).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải nộp 1.365.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo

Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trữc Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trữc Ninh;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà